



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1888-545 /KQPT/2024

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : Nhà máy đạM Cà Mau - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : KT.241004.01
Ngày lấy mẫu : 26/09/2024 Thời gian phân tích: 04/10/2024-11/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
				KT1-ĐCM	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	22	160
2.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	<13 ^a	800
3.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	<13 ^a	400
4.	NO _x	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	96	680
5.	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	3,37	40

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-ĐCM	Tại ống khói Z07601 tại xưởng sản xuất ure	1021477	0562037

- Quy chuẩn so sánh:

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.
- (-): Không có quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1893-545/KOPT/2024

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : Nhà máy đạm Cà Mau - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Khí thải
Mã mẫu : KT.241004.02; KT.241004.03; KT.241004.04
Ngày lấy mẫu : 27/09/2024
Số lượng mẫu: 03
Thời gian phân tích: 04/10/2024-11/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
				KT2-ĐCM	KT3-ĐCM	KT4-ĐCM	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	25	20	22	160
2.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	<13 ^a	KPT	<13 ^a	800
3.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	<13 ^a	KPT	<13 ^a	400
4.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	91	KPT	97	680
5.	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	5,19	4,12	3,95	40

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT2-ĐCM	Tại ống khói Z04201 tại xưởng sản xuất amoniac	1201466	0561713
KT3-ĐCM	Tại ống khói sau tháp rửa khí	1021545	0562055

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiệm thu chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép mọi phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

KT4-ĐCM Tại ống khói Z29101 tại xưởng Phụ trợ

1021421

0561708

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.
Điện thoại: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

- Quy chuẩn so sánh:

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.
- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.
- (-): Không có quy định; “KPT”: Không phân tích

TRƯỜNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh



- (*) Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1884 - 545 /KQPT/2024

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) - NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : Nhà máy đạm Cà Mau - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.241004.05
Ngày lấy mẫu : 28/09/2024 Thời gian phân tích: 04/10/2024-11/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2)		Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
				NT1-ĐCM	Cột A	Cột B	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,90	-	-	5,5 - 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	4,2	-	-	-
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT-001	512	600	1200	-
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	19	-	-	40,5
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	47	-	-	81
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH(MDL=0,04)	-	-	8,1
7.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH(MDL=0,04)	-	-	0,4
8.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	KPH(MDL=0,3)	-	-	12
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH(MDL=0,03)	6	12	-
10.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	8,5	-	-	32,4
11.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,2	-	-	3,24
12.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	1.700	-	-	3.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty





Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT1-ĐCM	Nước sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	1021371	0562056

- Quy chuẩn so sánh:

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

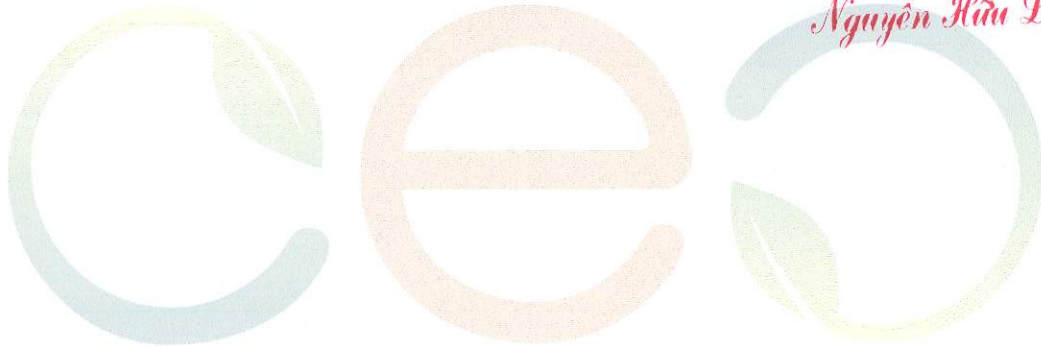
Đinh Thị Tuyết

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh



- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1835 - 545 /KQPT/2024

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU**
 Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
 Địa điểm quan trắc : **Nhà máy đạm Cà Mau - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau**
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : NT.241004.06
 Ngày lấy mẫu : 28/09/2024 Thời gian phân tích: 04/10/2024-11/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
				NT2-ĐCM	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,72	5,5 - 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	7,1	-
3.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	<16 ^a	150
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	23	40,5
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	50	121,5
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	42	81
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,51	8,1
8.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,3	32,4
9.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,32	3,24
10.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500.CI.G:2017	0,18	0,81
11.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	<0,0007 ^a	0,04
12.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0004 ^a	0,081
13.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0018 ^a	0,081
14.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	<0,1 ^a	1,62
15.	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,1 ^a	4,05
16.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	0,4
17.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	<0,0007 ^a	0,008
18.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	8,1
19.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	1200	3.000



Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT2-ĐCM	Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu	1021415	0562005

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiên cứu chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
Điện thoại: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.
- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024

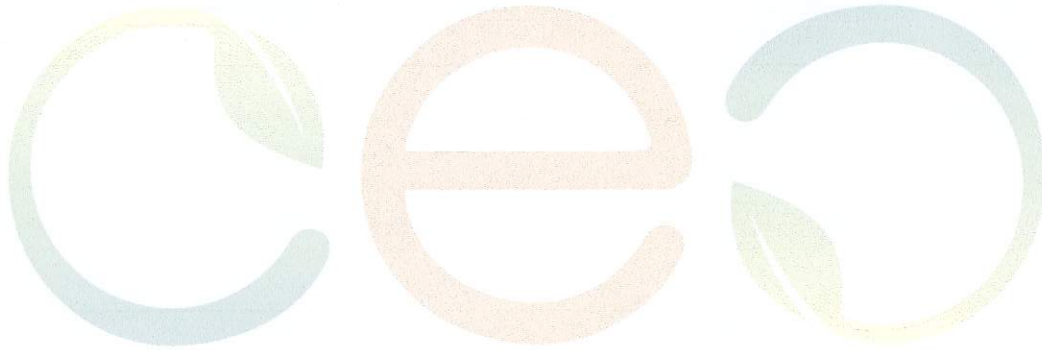
**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh



- (*) Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép mọi phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1836-545...../KQPT/2024

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) -
NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Địa điểm quan trắc : Nhà máy đạm Cà Mau - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01

Mã mẫu : NT.241004.07

Ngày lấy mẫu : 28/09/2024 Thời gian phân tích: 04/10/2024-11/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
				NT3-ĐCM	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,82	5,5 ÷ 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	4,1	-
3.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	<16 ^a	150
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	25	40,5
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	48	121,5
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	50	81
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,65	8,1
8.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,1	32,4
9.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,14	3,24
10.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500.CI.G:2017	0,24	0,81
11.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	<0,0007 ^a	0,04
12.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0004 ^a	0,081
13.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0018 ^a	0,081
14.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	<0,1 ^a	1,62
15.	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,83	4,05
16.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH(MDL=0,04)	0,4
17.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	<0,0007 ^a	0,008
18.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	KPH(MDL=0,3)	8,1
19.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	1.300	3.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)

- (*) Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

NT3-ĐCM	Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải nhiễm amoniac	1021414	0562005
---------	---	---------	---------

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.
- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

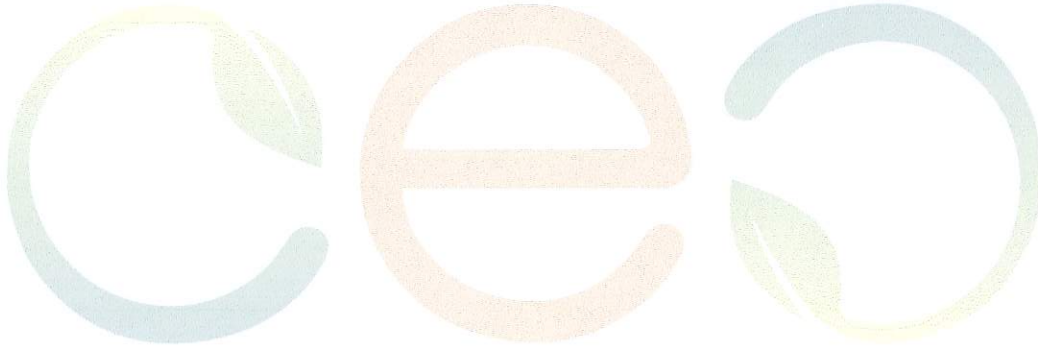
Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh



- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1887-575 /KQPT/2024

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU**
 Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
 Địa điểm quan trắc : **Nhà máy đạm Cà Mau - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau**
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : NT.241004.08
 Ngày lấy mẫu : 28/09/2024 Thời gian phân tích: 04/10/2024-11/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2)		Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
				NT4-ĐCM	Cột A	Cột B	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	25,3	-	-	40
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,91	-	-	5,5 – 9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	526	600	1.200	-
4.	Độ màu	mgPtC o/L	TCVN 6185.C:2015	<16 ^a	-	-	150
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	15	-	-	40,5
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	29	-	-	121,5
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	52	-	-	81
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,98	-	-	8,1
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	11,6	-	-	32,4
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,22	-	-	3,24
11.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500.Cl.G:2017	0,16	-	-	0,81
12.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	<0,0007 ^a	-	-	0,04
13.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0004 ^a	-	-	0,081
14.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0018 ^a	-	-	0,081
15.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	<0,1 ^a	-	-	1,62



(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

16.	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,21	-	-	4,05
17.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	-	-	0,4
18.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	<0,0007 ^a	-	-	0,008
19.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	-	-	12
20.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	-	-	8,1
21.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	6	12	-
22.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221.B:2017	2500	-	-	3.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT4-ĐCM	Nước đầu ra chung của 03 hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu, nước thải nhiễm amoniac, nước thải sinh hoạt	1021296	0562088

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải, cột A với hệ số K_f=0,9 và K_q=0,9

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
Điện thoại: 0877.614.999
Website: moitruongcec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1838 - 545 /KQPT/2024

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU**
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : **Nhà máy đạm Cà Mau - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau**
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.241004.09
Ngày lấy mẫu : 28/09/2024 Thời gian phân tích: 04/10/2024-11/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2)		Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
					NT5-ĐCM	Cột A	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	25,1	-	-	40
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,33	-	-	5,5 – 9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	215	600	1.200	-
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	46	-	-	150
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	18	-	-	40,5
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	35	-	-	121,5
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	42	-	-	81
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,04)	-	-	8,1
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	6,8	-	-	32,4
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,08	-	-	3,24
11.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500.Cl.G:2017	0,11	-	-	0,81
12.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	0,002	-	-	0,04
13.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	0,001	-	-	0,081
14.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW	0,004	-	-	0,081

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
Điện thoại: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

VIMCERTS 230

			3113.B:2017				
15.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	0,21	-	-	1,62
16.	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,89	-	-	4,05
17.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH(MDL=0,04)	-	-	0,4
18.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	<0,0007 ^a	-	-	0,008
19.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,36	-	-	12
20.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	0,92	-	-	8,1
21.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622- 1:2009	KPH(MDL=0,03)	6	12	3.000
22.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.000	-	-	3.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT5-ĐCM	Nước thải trên kênh thoát nước thải chung trước khi xả thải ra sông Ông Đốc	1021296	0562096

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.
- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2024

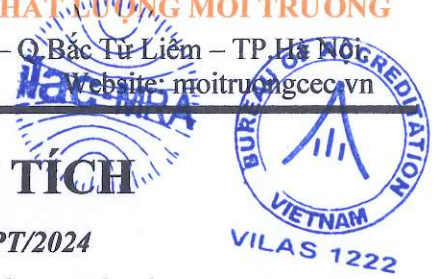
TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh

- (*) Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1839-545 /KQPT/2024

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : Nhà máy đạM Cà Mau - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : NM.241004.10; NM.241004.11.
Ngày lấy mẫu : 28/09/2024 Thời gian phân tích: 04/10/2024-11/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 08:2023/ BTNMT (Mức B)
				NM1-ĐCM	NM2-ĐCM	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	25,4	25,6	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,33	7,61	6,0-8,5
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	261	346	-
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	30	55	-
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	45	44	100
6.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5	7	6
7.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	11	16	15
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,02	KPH (MDL=0,04)	0,3
9.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ -B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	KPH (MDL=0,04)	-
10.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	2,2	3,3	1,5
11.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,05	0,03	0,3
12.	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,53	1,1	0,5
13.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	0,11	0,19	0,1
14.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	0,002	0,005	0,02
15.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0004 ^a	<0,0004 ^a	0,005
16.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	<0,0007 ^a	0,001	0,01
17.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	<0,0007 ^a	<0,0007 ^a	0,001
18.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,1
19.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.700	3.200	5.000

Ghi chú:

- (*) Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm – TP.Hà Nội.

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NM1-ĐCM	Nước mặt trên sông Ông Đốc, cách 500 m về phía thượng lưu so với điểm xả thải	1020864	0563034
NM2-ĐCM	Nước mặt trên sông Ông Đốc, cách 500 m về phía hạ lưu so với điểm xả thải	1021660	0562460

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh

- (*) Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

4754/BC-SYT
4681/SYT-NVY

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.

ĐT: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1840-545 /KQPT/2024

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU**
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : **Nhà máy đạM Cà Mau** - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 26+27/09/2024 Thời gian phân tích: 26+27/09/2024 – 11/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT
				KT1-ĐCM	KT2-ĐCM	KT3-ĐCM	
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2:2018	63,1	63,9	67,3	≤70
2	Độ rung	dB	TCVN 27:2016/BYT	40	35	38	≤70 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
KT1-ĐCM	Khu vực ống khói Z07601 tại xưởng sản xuất ure;	1021477	0562037
KT2-ĐCM	Khu vực ống khói Z04201 tại xưởng sản xuất amoniac;	1201466	0561713
KT3-ĐCM	Khu vực ống khói sau tháp rửa khí.	1021545	0562055

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

- "#": Kết quả mang tính tham khảo. Được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng sử dụng các phương pháp được công nhận tại văn bản số 4681/SYT-NVY và 4754/BC-SYT của Sở y tế thành phố Hà Nội ngày 25/09/2024 về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 4681/SYT-NVY và báo cáo số 4754/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.



VILAS 1222

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1841 - 545 / KQPT/2024

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) - NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Địa điểm quan trắc : Nhà máy đạm Cà Mau - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Loại mẫu : Không khí làm việc

Ngày lấy mẫu : 28/09/2024

Số lượng mẫu: 07

Thời gian phân tích: 28/09/2024 -

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT	
				K1-ĐCM	K2-ĐCM	K3-ĐCM		K4-ĐCM
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2:2018	66,6	64,1	56,8	66,4	≤70
2	Độ rung	dB	TCVN 27:2016/BYT	35	36	36	37,5	≤70

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			Giới hạn cho phép theo giấy phép số 405/GPMT-BTNMT	
				K5-ĐCM	K6-ĐCM	K7-ĐCM		
1	Tiếng ồn	dB	TCVN 7878-2:2018	59	63,9	67,6	67,6	≤70
2	Độ rung	dB	TCVN 27:2016/BYT	34	38	38,5	38,5	≤70

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K1-ĐCM	Không khí tại phân xưởng sản xuất urea	1021491	0561964

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 4681/SYT-NVY và báo cáo số 4754/BC-SYT về việc công bố thí nghiệm quan trắc môi trường lao động.

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 01





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
ĐT: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

4754/BC-SYT 4681/SYT-NVY

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K2-ĐCM	Không khí tại phân xưởng sản xuất amonia	1021470	0561717
K3-ĐCM	Không khí tại cảng xuất sản phẩm	1021822	0562287
K4-ĐCM	Không khí tại phân xưởng đóng gói	1021652	0562279
K5-ĐCM	Không khí tại cảng nhập nguyên liệu 500.000 tấn	1021804	0562272
K6-ĐCM	Không khí tại ống khói Z29101	1021421	0561708
K7-ĐCM	Không khí tại phân xưởng phân bón phức hợp	1021551	0562062

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng sử dụng các phương pháp được công nhận tại văn bản số 4681/SYT-NVY và 4754/BC-SYT của Sở y tế thành phố Hà Nội ngày 25/09/2024 về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Duyệt

Đinh Thị Tuyết

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 4681/SYT-NVY và báo cáo số 4754/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 01

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NA2-525 /KQPT/2024

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU**
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : **Nhà máy đạm Cà Mau - xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau**
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : NM.241004.10; NM.241004.11.
Ngày lấy mẫu : 28/09/2024 Thời gian phân tích: 05/10/2024-

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 08:2023/ BTNMT (Mức B)
				NM1-ĐCM	NM2-ĐCM	
1.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500.C1.G:2017	<0,1	<0,1	-
2.	Tổng dầu mỡ khoáng [#]	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	KPH	KPH	-
3.	Dầu mỡ động thực vật [#]	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	KPH	KPH	-

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NM1-ĐCM	Nước mặt trên sông Ông Đốc, cách 500 m về phía thượng lưu so với điểm xả thải	1020864	0563034
NM2-ĐCM	Nước mặt trên sông Ông Đốc, cách 500 m về phía hạ lưu so với điểm xả thải	1021660	0562460

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- (-): Không có quy định.

- "#": Kết quả chỉ mang tính tham khảo. Thông số được thực hiện theo yêu cầu khách hàng và không quy định trong thông tư 10:2021/BTNMT.

- Mẫu thử được thực hiện theo quy định tại chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VILAS 1222.

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh